

VƯƠNG QUỐC CỔ CỦA NGƯỜI MÔN Ở MIANMA

NGÔ VĂN DOANH*

Vào những thế kỷ đầu tiên của công nguyên, người Môn đã định cư tại khu vực nằm giữa hai dòng sông Sitang và Salween và đã được biết đến thông qua vương quốc Môn Ramannadesa. Còn Thaton (Sudhamma), trung tâm của vương quốc này còn được biết đến với cái tên là Suvannabhumi, hoặc Đất Vàng. Cái tên Suvannabhumi cũng được dùng để chỉ cả một khu vực Đông Nam Á lục địa nằm bên vịnh Bengan.

Truyền thuyết kể rằng, vua Siharaja là người đã lập ra thành phố này từ thời mà đức Phật còn sống, khi mà bộ sử Mahavamsa của Srilanka khẳng định là, sau kiến tập Phật giáo lần thứ ba vào thế kỷ III trước CN., một phái đoàn Phật giáo do Sona và Uttara dẫn đầu đã đến Suvannabhumi. Ngoài ra, bia ký Dhammazedi đã chứng minh Suvannabhumi, nơi mà phái đoàn Phật giáo đến chính là Golamattika hay Taikkala, một nơi nằm gần làng Ayettherma, dưới chân những quả đồi Kelasa, cách Thaton khoảng 30 dặm về phía bắc.

Chắc chắn là, Thaton đã là một hải cảng phát triển và hưng thịnh vào thời cổ, và, tại đây đã diễn ra những quan hệ giữa miền Nam Ấn Độ với khu vực xung quanh

Thaton và Pegu. Các sử liệu Mianma có nhắc tới việc Buddhagosa, một người Thaton, đã thực hiện chuyến đi tới Ceylon vào năm 400 CN. và đã thành công trong việc phiên âm các văn bản Phật giáo sang văn tự Môn. Các tài liệu lịch sử còn cho rằng, Buddhagosa đã đem về Mianma, thông qua Ceylon, cuốn sách ngữ pháp tiếng Pali của Kaccayana, rồi dịch cuốn sách này sang tiếng địa phương của mình và viết lời bình về cuốn sách này. Nếu như tính lịch sử của nhân vật Buddhagosa còn bị một số nhà khoa học nghi ngờ, thì sự thịnh hành của Phật giáo Theravada ở vùng Hạ Mianma vào khoảng thế kỷ V CN. thì đã được chứng minh bằng những cứ liệu khảo cổ học và văn tự học.

Tiếp đến, vào đầu thế kỷ 9 CN., sách "Tân Đường thư" của Trung Quốc có ghi chép lại rằng, trong số những quốc gia chư hầu của Pyu, có vương quốc Michen đã cử một sứ đoàn đến Trung Quốc vào năm 805 và là nạn nhân của quân xâm lược Nam Chiếu vào năm 835. Theo các nhà nghiên cứu, nước Michen phải nằm ở vùng cửa sông Irawadi⁽¹⁾. Cũng vào thời kỳ này, trong các truyện kể của các nhà du hành và các tác phẩm của những nhà địa lý học người Arap và Ba Tư, đã xuất hiện tên của nhà vua Rahma. Ghi chép

* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

xưa nhất về đất nước vùng Hạ Miến được thấy trong cuốn “Sách nói về đường sá và các tỉnh” của Ibn Khordadzhbeh viết vào khoảng giữa những năm 844 và 849: “Nhà vua Rahma có 50 nghìn con voi. Xứ sở sản xuất ra những vải bông nhung và gỗ trầm hương loại hindi (Ấn Độ)”. Năm 851, thương nhân Sulayman đã nhắc lại thông tin trên và nhấn mạnh và bổ sung thêm rằng: “Trong dân chúng, việc trao đổi dùng bằng vỏ sò. Vào thời kỳ này, trung tâm của vương quốc đã chuyển dịch về phía tây. Một cuốn biên niên sử của Mianma xếp niên đại thành lập Pegu (Hamsavati) là năm 825 và người thành lập là hai anh em sinh đôi Samala và Vimala, người gốc vùng Thaton⁽²⁾.”

Tuy bước vào thời kỳ hưng thịnh có muộn hơn so với người Pyu và người Môn, nhưng lịch sử của người Miến cũng bắt đầu từ khá sớm. Các tài liệu biên niên sử của Mianma đưa ra cả một danh sách dài những vị thủ lĩnh người Miến thời kỳ tiền Pagan (thế kỷ 11- 13) mà rất khó có thể đánh giá sự xác thực. Một trong số các thủ lĩnh đó là nhà sư tiếm ngôi Poppa Sôrahan, người đã lập ra kỷ nguyên của người Miến năm 638. Các nghiên cứu của các nhà khoa học đã cho thấy, vào thế kỷ 7, Phật giáo Đại thừa đã xâm nhập vào Pagan, và, từ thế kỷ 8, trong một số tu viện, Phật giáo đã mang hình thức thần bí của Mật tông. Năm 846, Pagan đã chính thức đi vào lịch sử với việc nhà vua Pyinbya cho xây dựng một tòa thành bao. Thế nhưng, lịch sử của người Miến sau đó cũng lại rất mù mờ vì thiếu những tài liệu đáng tin cậy. Chỉ biết rằng, như các nhà khoa học đã xác định rõ, vào năm 1044, một vị vua có tên là Anawrahta đã lên

ngôi vua ở Pagan. Bắt đầu từ đây, vua Anawrahta đã mở rộng lãnh thổ của vương quốc Pagan mà vào lúc ban đầu còn khá nhỏ hẹp. Hai thành tựu đáng lưu ý nhất của vị vua này là: hoàn thành hệ thống thủy lợi ở phía đông kinh thành trong cánh đồng lúa Kyaukse đã trở thành vựa lúa của miền bắc Mianma và cải đạo đất nước sang Phật giáo Tiểu thừa (Theravada).

Trong khi đó thì, miền Hạ Miến, đặc biệt là xứ sở của người Môn, lại là một trong những vùng từ lâu đã chuyển đạo sang Phật giáo. Chính khi đạo Phật bắt đầu suy thoái tại Ấn Độ, thì chính những người Môn vẫn giữ tiếp xúc tôn giáo với miền Nam Ấn Độ và với Tích Lan (Sri Lanka), đất thánh của phái Tiểu thừa. Và, vào năm 1056, nhà sư Shin Arahan, con một tăng lữ Balamon xứ Thaton và là môn đệ của trường phái Phật giáo Tiểu thừa, đã đến Pagan và thuyết phục được nhà vua Anawrahta chuyển theo đạo của mình. Theo lời khuyên của Shin Arahan, vua của Pagan yêu cầu Manuha gửi tặng cho mình các kinh sách và thánh tích thiêng. Thế nhưng, Manuha cho rằng không thể gửi sách thiêng cho người theo dị giáo và, do vậy, đã từ chối đề nghị của Anawrahta. Thế là, ngay sau đấy, Anawrahta hành quân đến Thaton, bắt vua Manuha và lấy về 32 bộ Tripitaka (Tam tạng kinh). Với việc vua bị cầm tù ở Pagan, nên, suốt từ thời điểm đó đến tận thế kỷ XIII, Thaton bị sáp nhập vào Mianma. Sau khi vương triều Pagan sụp đổ, người Môn mới giành được độc lập. Và, lần này, trung tâm của vương quốc được thiết lập, đầu tiên ở Martaban, sau đó ít lâu, chuyển về Pegu⁽³⁾.

Tuy việc phục dựng lại lịch sử của vương quốc Môn cổ ở Mianma còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng, những dấu tích mà vương quốc cổ này để lại thì lại khá phong phú và đa dạng. Và một trong những khu di tích nổi tiếng đó chính là thành phố cổ Thaton ở Hạ Miến vốn đã một thời gian dài là thủ đô của nhà nước cổ của người Môn.

* *
*

Đô thị cổ Thaton, qua những dấu tích lộ rõ, là một đô thị được xây dựng theo một bình đồ chữ nhật giống của các đô thị muộn hơn như Amarapura và Mandalay. Tường thành có hai bức thành lũy hình chữ nhật và một hào nước nằm giữa hai bức tường được ốp bằng đá laterite. Tường bên trong phía đông và phía tây dài 7.700 feet (2.300m), trong khi đó các tường bên trong ở mặt bắc và mặt nam chỉ dài 4.000 feet (1.200m). Trung tâm của tòa thành là một khu thành nội hay hoàng cung có bình đồ gần vuông (trục bắc nam dài 1080 feet tức khoảng 300 m. và trục đông tây dài 1.150 feet, tức khoảng 350m). Vì thành phố hiện đại phát triển cả vào bên trong tòa thành cổ, nên những dấu tích bên trong tòa thành đã bị biến mất. Các ngôi tháp chính nằm trong khoảng giữa khu hoàng cung và tường thành phía nam. Lớn nhất là tòa tháp Shwezayan mà tương truyền là được xây dựng vào thế kỷ 5 trước công nguyên để lưu giữ bốn thánh tích- răng của đức Phật. Tòa tháp đã được tu bổ lại và, giờ đây, mang hình dáng của một ngôi tháp hiện đại với phần nền tròn bên dưới và phần thân hình chuông bên trên.

Một ngôi tháp đáng lưu ý là tháp Thagyapaya hay còn được gọi là tháp Myatheindan. Tháp gồm nền cao ba bậc hình vuông và thân hình chuông. Nền tháp khá thấp hình vuông mỗi cạnh rộng 104 feet (3,20m) và cao 18 feet (0,55m), trong khi đó thì ba bậc bên trên lại có tỷ lệ khá cân đối và nhỏ dần theo chiều cao. Tầng thứ ba và cấu trúc hình chóp bên trên đã được làm lại và toàn bộ ngôi tháp luôn luôn được làm mới lại theo thời gian. Từ trung tâm của mỗi mặt tường bên dưới hai tầng trên, bốn ô khám cao và sâu, được trang trí bằng các mái hình vòm, nhô ra và hướng mặt về bốn hướng. Hiện nay, trong mỗi ô khám có một tượng Phật đứng. Bên cạnh các ô khám cao này, còn có các ô khám nhỏ chìm sâu vào chân tường bên dưới tầng thứ hai. Nguyên ủy trước đây, có 64 tấm điêu khắc đất nung được gắn vào các ô khám nhỏ này. Giờ đây, phần lớn các hình điêu khắc đất nung này đã bị mất; những hình còn lại thì bị hư hại và phong hóa khiến cho không thể nhận ra các hình được thể hiện. Thế nhưng, trong số rất ít những tấm đất nung còn lại, còn thấy được những cảnh minh họa các Jataka: Vessantara, Vidhura, Maha- ummagga hay Mahosadha, Bhuridatta và Temia. Theo các nhà nghiên cứu, các tấm điêu khắc đất nung này thuộc phong cách của thế kỷ 11- 12.

Trong khu vực của tháp Shwezayan, đã phát hiện 7 phiến đá có chữ; trong đó, 5 phiến mang chữ môn cổ thế kỷ 11, một phiến có chữ thời trung đại và chữ ở phiến thứ bảy thì không đọc được. Hiện nay, tất cả các phiến đá có chữ trên được cất giữ trong ngôi chùa (tazaung hay wat) bên

trong khuôn viên của tháp. Trong số những điều khắc đá được tập hợp lại của khu kiến trúc, có một hình Phật đứng được thể hiện dưới dạng phù điêu trên một phiến đá cát. Tay phải của Phật buông thõng xuống với bàn tay hướng ra ngoài làm động tác ban phước (varada mudra). Tay trái đưa lên với các ngón tay đang làm động tác thuyết pháp. Hai bên vòng hào quang phía trên hai vai có mang hình hai hình phù điêu hai con ngỗng Hamsa đang nhìn nhau, Hình phù điêu này được coi là nguyên mẫu cho các hình sau này của chùa Ananda tại Pagan và được xác định niên đại thế kỷ 10 - 11.

Bên cạnh khuôn viên của tháp Shwezayan, ngay bên kia con đường là tòa Kalyani Sima, một công trình được xây dựng trên phế tích của một kiến trúc cổ. Xung quanh gian phòng làm lễ thụ chức trên, có thể còn thấy những chiếc cột ranh giới bằng sa thạch. Trên những chiếc cột đá này, có những hình phù điêu thể hiện những câu chuyện lấy từ Mahanipata (mười Jataka lớn). Nhờ một bia ký được khắc trên một chiếc cột, nên có thể xếp những chiếc cột đá có các hình phù điêu này vào khoảng thời gian thế kỷ 11- 13.

Thuộc phong cách sớm hơn là hình Phật đứng bằng đồng được vị sư trụ trì chùa Saddhama-jotika trong thành Thaton phát hiện gần đây. Đây là hình đức Phật Dipankara được thể hiện với tay phải đưa lên làm động tác trấn an (abhaya- mudra), trong khi đó thì tay trái cầm mép chiếc áo choàng. Chéc áo choàng bó sát vào cơ thể, nhưng đường viền của vải nổi bật lên trên các nếp gấp rõ nét. Các nếp gấp quanh thắt lưng nhìn thấy

rõ, nhưng các nếp vải nằm giữa hai chân chỉ được nhận thấy qua những đường nét nhỏ và mảnh. Cả hai vai được áo choàng phủ kín, và gờ của chiếc áo được chỉ ra ở đây bằng một nếp gấp nhỏ ở dưới cổ. Hình Phật này như là một mô phỏng của hình Phật được phát hiện ở Sriksheetra vào những năm 1926- 27 trong số những đồ vật có niên đại thế kỷ 7- 8.

Những tác phẩm điêu khắc Balamon giáo thế kỷ 9- 10 cũng đã được phát hiện ở Thaton. Hai phiến đá sa thạch màu hơi đỏ có mang hình phù điêu nổi thể hiện thần Visnu đang nằm nghỉ trên mình rắn Ananta. Từ thân của thần Visnu, mọc lên ba bông sen, trên ba bông sen là hình các thần Brahma, Visnu và Siva ngồi. Tác phẩm điêu khắc thứ ba thể hiện thần Siva bốn tay ngồi cùng con vật cưỡi của mình là bò thần Nandi ở bên dưới chân phải và con quỷ đầu trâu bên dưới đầu gối chân trái. Có thể thuộc niên đại muộn hơn một chút là hai hình nhỏ thể hiện thần Ganesa và một bức phù điêu nhỏ thể hiện thần Brahma với ba chiếc đầu có thể thấy được. Các tác phẩm điêu khắc này được chuyển về Rangoon.

* *
*

Một số công trình và các đồ cổ đáng lưu ý ở khu vực lân cận của thành phố cổ này cũng cần được nhìn nhận. Đó là các phế tích của những bức tường pháo đài Taikkala, một công trình mà mọi người tin là đô thị cổ của Suvannabhumi, mà hiện còn thấy ở ngôi làng Ayetteama hiện nay.

Các cuộc khai quật đã được tiến hành tại Ayetteama qua nhiều mùa khai quật từ

năm 1975 đến 1978. Kết quả của những cuộc khai quật này đã được công bố vào năm 1999⁴⁰. Rất tiếc là, phần lớn các công trình kiến trúc đều bị đổ nát nặng nề, nên khó có thể xác định được chức năng của từng kiến trúc. Nằm ngay giữa làng Winka, có một phế tích nền vuông (mỗi cạnh dài 21 mét), gồm 14 phòng với những kích cỡ không đều nhau được bố trí theo kiểu: một phòng vuông ở giữa tiếp giáp và thông sang bốn phòng bên cạnh. Đầu tường phía đông có phân nhô ra (có thể là cửa ra vào?). Về mặt nào đấy, công trình này có mặt bằng gần giống như mặt bằng của các vihara (tu viện Phật giáo) của Ấn Độ thế kỷ 3- 4 CN. Cách công trình trên không xa về phía đông nam là một công trình xây gạch có mặt bằng nền hình chữ nhật (15,8 x 11 mét) và được ngăn thành hai phần chính không đều nhau bằng một bức tường chạy dọc gần trung tâm. Phần dọc phía đông của kiến trúc có 5 buồng; trong khi đó, phần dọc phía tây chỉ có 3 buồng. Theo các nhà nghiên cứu, tòa kiến trúc chữ nhật này có thể được xác định niên đại sau thế kỷ 6 CN. Một công trình nữa được xây vào thế kỷ 4- 5 CN, có mặt bằng gần vuông (21,5 x 21,2 mét) với 7 buồng phía trước và 5 buồng phía sau. Ngoài các phế tích ra, bên trong tòa thành cổ xưa này, có tòa tháp Myatheindan, mà theo như bài bia ký của một nhà sư của Kyanzittha được phát hiện ở nền tháp, thì tòa tháp này còn được biết đến là tháp Kyaik Talan. Từ khi được biết là tòa tháp được Kyanzittha tu bổ lại, thì có thể nhận thấy tòa tháp đã từng tồn tại vào khoảng thế kỷ 10. Trên đồi Kelasa, có một ngôi tháp khác mà đã được Dhammazedī tu bổ lại. Bia ký chữ Môn tại tháp cho biết, lúc

ban đầu tháp được xây dựng để chứa thánh tích- tóc của đức Phật. Tại làng Zokthok, về phía nam của Ayettema, có tòa tháp Tizaung, một kiến trúc hình chóp trên nền bát giác, được xây dựng trên nền móng của một công trình cổ hơn. Nét nổi bật của công trình này là cái nền vững chắc hình gần vuông được xây bằng những phiến đá laterite to. Khoảng một dặm về phía nam của tháp Tizaung, có một bức tường mang hình chạm khắc được biết đến với cái tên là Hsindat Myindat. Đây là bức tường biệt lập được xây bằng những phiến đá laterite lớn. Bức tường chạy dài theo trục đông tây và có chiều dài khoảng 1 dặm, nhưng hiện chỉ còn lại 360 feet (hơn 100 mét). Nét đặc biệt của bức tường là sự có mặt của những mảng phù điêu lớn thể hiện những con sư tử và những con voi xen kẽ nhau. Một trong những đền thờ danh tiếng nhất trong khu vực này là tháp Kyaiktiyo.

Quần thể kiến trúc khu chùa Kyaiktiyo nằm trong vùng núi thuộc vùng núi Shan cách Thaton không xa (cách thành phố Kyaikto 12 dặm), và, tòa tháp ở đây là một trong những điểm thu hút nhiều người từ khắp đất nước hành hương đến. Trung tâm của quần thể kiến trúc rộng lớn này là một tảng đá khổng lồ cao 10 mét nằm treo chênh vênh bên bờ vực sâu. Hạt nhân của cả quần thể kiến trúc Kyaiktiyo là một ngôi tháp nhỏ chỉ cao 18 feet (gần 6 mét) nằm trên đỉnh tảng đá khổng lồ nằm chông chênh trên một khối đá phẳng bị tách khỏi quả núi bởi một kẽ nứt sâu. Tất nhiên, như nhiều kiến trúc tôn giáo nổi tiếng khác, sự ra đời của tòa tháp Kyaiktiyo được tô điểm bởi những truyền thuyết hoang đường nhưng thật có

ý nghĩa. Truyền thuyết kể rằng, nhận được lời mời, bằng phép thuật huyền diệu, đức Phật Gautama đã cùng 500 môn đồ của mình bay đến Thaton. Để đánh dấu chuyến viếng thăm, đức Phật gửi tặng các nhà tu hành địa phương 6 sợi tóc của mình. Khi nhà tu hành còn lại cuối cùng đã già yếu, thần Sakka xuất hiện trước mặt ông và yêu cầu cho xây một tòa tháp để giữ ba sợi tóc còn lại của đức Phật. Nhà tu hành già đồng ý và yêu cầu thần Sakka tìm nơi xây tháp có hình thù giống cái đầu của thần. Thần Sakka hứa và đã thực hiện được lời hứa: xây tòa tháp trên tảng đá có hình như cái đầu. Thế nhưng, hầu như lại không có một tài liệu đáng tin cậy nào nói về thời gian hình thành quần thể kiến trúc Kyaiktiyo này. Còn ngôi tháp hiện nay thì chắc chắn là được làm rất muộn về sau này. Hiện nay, cả khối đá khổng lồ cùng tòa tháp trên đỉnh đã được phủ kín bằng vàng⁽⁵⁾.

* *
*

Chính nhờ có sự phát triển rực rỡ trong một thời gian dài, ít nhất là ở Thaton, nên, dù bị người Miến thôn tính và sáp nhập, những di sản văn hóa của người Môn đã có một ảnh hưởng to lớn đối với lịch sử và văn hóa của đất nước Mianma sau đó.

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, về mặt chính trị, cuộc chinh phục thành Thaton đã dẫn đến kết quả là Anawrahta quy thuận được toàn bộ vùng châu thổ, mở ra cho Mianma một cửa sổ thông ra biển. Thế nhưng, về mặt văn hóa, kết quả của việc chinh phục Thaton là sự cải đạo của

Pagan sang Phật giáo Theravada và sự suy tàn của phái Đại thừa Mật tông. Rồi thì, sau khi chiếm được Thaton, nền văn minh tinh tế hơn của người Môn đã ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu rộng vào dân chúng người Miến còn khá thô kệch. Nhiều chiến tù Môn bị bắt về đã dạy cho người Miến nền văn học nghệ thuật và lối chữ viết của người Môn. Bằng chứng là, bia ký đầu tiên bằng tiếng Miến khắc năm 1058 được viết theo lối chữ Môn. Và, hai trong số những công trình kiến trúc cổ nhất ở Pagan là Nan-paya và Mamuha là do nhà vua Môn bị bắt Manuha xây dựng⁽⁶⁾.

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo: G.Coedes, The indianized states of southeast Asia, East-west center press, Honolulu, 1968, tr.106.
2. Dẫn theo: G.Coedes, The indianized states of southeast Asia, East-west center press, Honolulu, 1968, tr.107.
3. Dẫn theo: G.Coedes, The indianized states of southeast Asia, East-west center press, Honolulu, 1968, tr. 149- 150.
4. Myint Aung, The excavations of Ayethama and Winka; Studies in Myanma History, Vol.1, Innwa Publishing House, Yangon, Myanma, 1999, tr.17-64.
5. Aung Thaw, Historical sites in Burma, Published by The Ministry of Union Culture Government of the Union of Burma, 1978, tr. 34-40. S.S. Ojegop, kiến trúc Mianma (chữ Nga), Nxb. Nauka, Matxcova, 1970, tr.117-119.
6. Dẫn theo: G.Coedes, The indianized states of southeast Asia, East-west center press, Honolulu, 1968, tr.149- 150